**Ngữ pháp Tiếng Anh lớp 12 Unit 4: School Education System**

1. **Quy tắc đánh dấu trọng âm với từ có 3 âm tiết**

**1. Động từ**

* Trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2 nếu âm tiết thứ 3 có nguyên âm ngắn và kết thúc bằng 1 phụ âm: Ví dụ: encounter /iŋ‟kauntə/, determine /di‟t3:min/
* Trọng âm sẽ rơi vào âm tiết thứ nhất nếu âm tiết thứ 3 là nguyên âm dài hay nguyên âm đôi hay kết

thúc bằng 2 phụ âm trở lên.

Ví dụ: exercise /„eksəsaiz/, compromise/[„kɔmprəmaiz]

Một số trường hợp ngoại lệ: entertain /entə‟tein/, comprehend /,kɔmpri‟hend/

**2. Danh từ**

Đối với danh từ có ba âm tiết: nếu âm tiết thứ hai có chứa âm /ə/hoặc /i/thì trọng âm sẽ rơi vào âm tiết thứ nhất.

Ví dụ:

paradise /ˈpærədaɪs /, pharmacy /ˈfɑːrməsi/, controversy /ˈkɑːntrəvɜːrsi/, holiday /ˈhɑːlədeɪ /, resident /ˈrezɪdənt/…

Nếu các danh từ có âm tiết thứ nhất chứa âm ngắn (/ə/hay/i/) hoặc có âm tiết thứ hai chứa nguyên âm dài/nguyên âm đôi thì trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai. Ví dụ:

computer /kəmˈpjuːtər/, potato /pəˈteɪtoʊ/, banana /bəˈnænə/, disaster /dɪˈzɑːstə(r)/ **3. Tính từ:**

Tính từ 3 âm tiết tương tự như danh từ

Ví dụ: happy /‟hæpi/, impossible /im‟pɔsəbl/…

1. **Câu bị động trong Tiếng Anh**

[**Cấu trúc của câu bị động trong tiếng anh**](http://kenhtuyensinh.vn/redirect.php?to=aHR0cDovL2FjYWRlbXkudm4vY29uZy10aHVjLWNhdS1iaS1kb25nLXRyb25nLXRpZW5nLWFuaC12YS1iYWktdGFwLWNvLWRhcC1hbi8=)

**1. Use of Passive: (Cách sử dụng của câu bị động):**

Câu bị động được dùng khi ta muốn nhấn mạnh vào hành động trong câu, tác nhân gây ra hành động dù là ai hay vật gì cũng không quá quan trọng.

Ví dụ: My bike was stolen. (Xe đạp của tôi bị đánh cắp.)

Trong ví dụ trên, người nói muốn truyền đạt rằng chiếc xe đạp của anh ta bị đánh cắp. Ai gây ra hành động “đánh cắp” có thể chưa được biết đến. **Câu bị động** được dùng khi ta muốn tỏ ra lịch sự hơn trong một số tình huống. Ví dụ: A mistake was made. Câu này nhấn mạnh vào trạng thái rằng có 1 lỗi hoặc có sự nhầm lẫn ở đây, chứ không quan trọng là ai gây ra lỗi này.

**2. Form of Passive Cấu trúc câu bị động:**

**Subject + finite form of to be + Past Participle**

**(Chủ ngữ + dạng của động từ “to be” + Động từ ở dạng phân từ 2)**

Example: A letter was written.

**Khi chuyển câu từ dạng chủ động sang dạng câu bị động:**

Tân ngữ của câu chủ động chuyển thành chủ ngữ của câu bị động. Ví dụ: Active: He punished his

child. -> Passive: His child was punished. (Anh ta phạt cậu bé.) (Cậu bé bị phạt)

Câu chủ động ở dạng thì nào, chúng ta chia [động từ](http://kenhtuyensinh.vn/dong-tu-trong-tieng-anh) “to be” theo đúng dạng thì đó. Chúng ta vẫn đảm bảo nguyên tắc chủ ngữ số nhiều, động từ “to be” được chia ở dạng số nhiều, chủ ngữ số ít thì động từ “to be” được chia ở dạng số ít.

















Present simple (Hiện tại đơn) The car/cars is/are designed.

Present perfect (HT hoàn thành) The car/cars has been/have been designed.

Past simple (Quá khứ đơn) The car/cars was/were designed.

Past perfect (Qk hoàn thành) The car/cars had been/had been designed.

Future simple (Tương lai đơn) The car/cars will be/will be designed.

Future perfect (TL hoàn thành) The car/cars will have been designed

Present progressive (HT tiếp diễn) The car/cars is being/are being designed.

Past progressive (Qk tiếp diễn) The car/cars was being/were being designed.

**Trong trường hợp câu chủ động có 2 tân ngữ, thì chúng ta có thể viết thành 2 câu bị động. Ví dụ:**





Active Professor Villa gave Jorge an A. (Giáo sư Villa chấm cho Jorge một điểm A) Passive An A was given to Jorge by Professor Villa. (Một điểm A được chấm cho Jorge bởi

giáo sư Villa)

* Passive Jorge was given an A. (Jorge được chấm một điểm A)

Trong khi [học tiếng Anh,](http://kenhtuyensinh.vn/hoc-tieng-anh) người ta rất hay dùng câu bị động. Khác với ở câu chủ động chủ ngữ thực hiện hành động, trong câu bị động chủ ngữ nhận tác động của hành động. Câu bị động được dùng khi muốn nhấn mạnh đến đối tượng chịu tác động của hành động hơn là bản thân hành động đó. Thời của động từ ở câu bị động phải tuân theo thời của động từ ở câu chủ động. Nếu là loại động từ có 2 tân ngữ, muốn nhấn mạnh vào tân ngữ nào người ta đưa tân ngữ đó lên làm chủ ngữ nhưng thông thường chủ ngữ hợp lý của câu bị động là tân ngữ gián tiếp.

I gave him a book = I gave a book to him = He was given a book (by me).

Đặt by + tân ngữ mới đằng sau tất cả các tân ngữ khác. Nếu sau by là một đại từ vô nhân xưng mang nghĩa người ta: by people, by sb thì bỏ hẳn nó đi.

**Hiện tại thường hoặc Quá khứ thường**

am

is

are + [verb in past participle]

was

were

**Active**: Hurricanesdestroya great deal of property each year.

**Passive**: A great deal of propertyis destroyedby hurricanes each year.

[**Hiện tại tiếp diễn**](http://kenhtuyensinh.vn/thi-hien-tai-hoan-thanh-va-thi-hien-tai-hoan-thanh-tiep-dien) **hoặc Quá khứ tiếp diễn**

am

is

are + *being* + [verb in past participle]

was

were

**Active**: The committeeis consideringseveral new proposals.

**Passive**: Several new proposalsare being consideredby the committee.

**Hiện tại hoàn thành hoặc Quá khứ hoàn thành**

has

+ *been* + [verb in past participle]

have

had

**Active**: The companyhas orderedsome new equipment.

**Passive**: Some new equipmenthas been orderedby the company.

**Trợ động từ**

|  |  |
| --- | --- |
| modal | + *be* + [verb in past participle] |
|  |  |







**Active**: The managershould signthese contracts today.

**Passive**: These contractsshould be signedby the manager today.

**Các ví dụ về sử dụng Câu bị động**

**Các nội động từ (Động từ không yêu cầu 1 tân ngữ nào) không được dùng ở bị động. My leg hurts.**

Đặc biệt khi chủ ngữ chịu trách nhiệm chính của hành động cũng không được chuyển thành câu bị động.

The US takes charge: Nước Mỹ nhận lãnh trách nhiệm. Nếu là người hoặc vật trực tiếp gây ra hành động thì dùng by nhưng nếu là vật gián tiếp gây ra hành động thì dùng with.

The bird was shot with the gun.

The bird was shot by the hunter.

**Trong một số trường hợp to be/to get + P2 hoàn toàn không mang nghĩa bị động mà mang 2 nghĩa:**

**Chỉ trạng thái, tình huống mà chủ ngữ đang gặp phải.**

Could you please check my mailbox while I am gone.

He got lost in the maze of the town yesterday.

**Chỉ việc chủ ngữ tự làm lấy**

The little boy gets dressed very quickly.

* Could I give you a hand with these tires.
* No thanks, I will be done when I finish tightening these bolts.

**Mọi sự biến đổi về thời và thể đều nhằm vào động từ to be, còn phân từ 2 giữ nguyên.**

* **to be made of**: Được làm bằng (Đềcập đến chất liệu làm nên vật)This table is made of wood
* **to be made from**: Được làm ra từ (đềcập đến việc nguyên vật liệu bịbiến đổi khỏi trạng tháiban đầu để làm nên vật)

Paper is made from wood

* **to be made out of**: Được làm bằng (đềcập đến quá trình làm ra vật)This cake was made out of flour, butter, sugar, eggs and milk.
* **to be made with**: Được làm với (đềcập đến chỉmột trong sốnhiều chất liệu làm nên vật)

This soup tastes good because it was made with a lot of spices. Phân biệt thêm về cách

dùng marry và divorce trong 2 thể: chủ động và bị động. Khi không có tân ngữ thì người Anh ưa dùng get maried và get divorced trong dạng informal English.

* Lulu and Joe got maried last week. (informal)
* Lulu and Joe married last week. (formal)
* After 3 very unhappy years they got divorced. (informal)
* After 3 very unhappy years they dovorced. (formal)

Sau marry và divorce là một tân ngữ trực tiếp thì không có giới từ: To mary /divorce smb

* She married a builder.
* Andrew is going to divorce Carola
* To be/get married/to smb (giới từ “to” là bắt buộc)
* She got married to her childhood sweetheart.
* He has been married to Louisa for 16 years and he still doesn‟t understand her.